

## Tập file đính kèm 1

### Chương VII – Điều kiện cụ thể của hợp đồng

<b>E-ĐKC</b> <b>19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Việc mua bảo hiểm công trình theo quy định hiện hành khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Nhà thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm.</li><li>- Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...</li><li>- Trong quá trình thi công, khi tổn thất xảy ra, nhà thầu có trách nhiệm thông báo ngay (trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra tổn thất) cho bên A biết và làm các thủ tục bảo hiểm công trình theo quy định, đồng thời mời chính quyền địa phương xác nhận.</li></ul>
<b>E-ĐKC</b> <b>42.1</b>	<p>Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu một khoản tạm ứng, trị giá tạm ứng 25% (không bao gồm dự phòng) giá hợp đồng theo phương thức chuyển khoản và được ghi trong thoả thuận hợp đồng.</li><li>- Khoản tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thực hiện sau khi Nhà thầu đã thực hiện bảo đảm tiền tạm ứng dưới hình thức thư bảo lãnh của ngân hàng trong vòng 10 ngày sau khi ký kết hợp đồng. Bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII bởi một ngân hàng có uy tín và phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi tạm ứng.</li><li>- Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng được tính từ ngày Nhà thầu nhận tiền tạm ứng cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.</li><li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng có giá trị bằng với khoản tiền tạm ứng và sẽ được giải toả dần theo tiến độ thu hồi vốn tạm ứng.</li><li>- Việc thu hồi tiền tạm ứng bằng cách khấu trừ một tỷ lệ 31,25% giá trị mỗi lần thanh toán kể từ lần thanh toán đầu tiên và khoản tạm ứng sẽ được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng. Trường hợp do nguyên nhân nào đó mà Chủ đầu tư đánh giá</li></ul>

	<p>thấy không thể thực hiện được 80% khối lượng thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi hết tiền tạm ứng chưa được hoàn vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC</b> <b>44.1</b></p>	<p><b>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</b></p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng được nghiệm thu và hồ sơ thanh toán được nhà thầu lập (sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu, tiền bảo hành và tiền giữ lại cho việc hoàn công, quyết toán). Việc thanh toán cho Nhà thầu theo hình thức chuyển khoản.</p> <p>Căn cứ vào bản nghiệm thu khối lượng thực hiện hoàn thành và đơn giá hợp đồng, các quy định của Nhà nước, Nhà thầu lập chứng từ thanh toán được TVGS xem xét kiểm tra tính đúng đắn và chính xác, chấp thuận thanh toán trình Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sau khi thẩm tra, thẩm định hồ sơ thanh toán sẽ thanh toán cho nhà thầu giá trị khối lượng được nghiệm thu trong kỳ có đủ thủ tục pháp lý.</p> <p>Hồ sơ thanh toán được lập theo quy định của pháp luật. Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</li> <li>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</li> <li>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</li> <li>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</li> </ul> <p>Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VEC nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ.</p> <p>Tạm giữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 5% tổng giá trị khối lượng thực hiện để bảo hành (sẽ được thanh toán khi công trình được Chủ đầu tư xác nhận hết thời gian bảo hành).</li> <li>+ Và 3% tổng giá trị khối lượng để thực hiện công tác hoàn công, quyết toán (sẽ được thanh toán khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoàn công quyết toán).</li> </ul>

	<p>Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành với giá trị quyết toán thấp hơn giá trị thực hiện được nghiệm thu, VEC sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị nhà thầu đã được VEC thanh toán lớn hơn giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà thầu phải nộp lại đủ khoản tiền chênh lệch giữa giá trị thanh toán và giá trị quyết toán trong thời hạn tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thu hồi của VEC. Trong trường hợp nhà thầu nộp lại khoản tiền chênh lệch muộn hơn 15 ngày nêu trên thì nhà thầu có trách nhiệm trả cho VEC số tiền lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).</p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p> <p>Phạt 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi đợt chậm 10 ngày theo tiến độ yêu cầu cho đến mức tổng số các lần phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu tiếp tục vi phạm thì chủ đầu tư được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu chịu phạt với mức tối đa 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Trong mọi trường hợp vi phạm chất lượng, tiến độ thực hiện hợp đồng, ngoài mức phạt về kinh tế theo quy định, nhà thầu còn phải chịu hình thức xử lý từ khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ thi công, cắt bớt khối lượng, đến chấm dứt hợp đồng và nhà thầu còn phải bồi thường các chi phí phát sinh (nếu có) do lỗi của nhà thầu gây ra. Giá trị bị vi phạm hợp đồng được xác định dựa trên giá trị hợp đồng trừ đi phần giá trị đã được nghiệm thu cho đến hết thời gian thực hiện gói thầu. Việc xem xét vi phạm chậm tiến độ bao gồm cả so sánh với thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian thi công của gói thầu theo yêu cầu.</p>